

# Cải cách giáo dục đại học Nhật Bản và Đại học Hiroshima trong quá trình tập đoàn hóa

Trần Khánh Đức\*

*Khoa Sư phạm, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 03 tháng 02 năm 2008

**Tóm tắt.** Bài báo giới thiệu một số đặc điểm của hệ thống giáo dục đại học Nhật Bản trong quá trình cải cách giáo dục từ thời Minh trị Thiên hoàng (1868-1912) cho đến nay. Chú ý được tập trung vào giai đoạn tái cấu trúc hệ thống giáo dục đại học Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ II trên cơ sở mô hình Mỹ.

Tập đoàn hoá là một trong những xu hướng phát triển của hệ thống giáo dục đại học Nhật Bản trong cải cách giáo dục. Trong xu hướng này, các cơ sở giáo dục đại học đơn ngành được kết hợp và tổ chức lại thành các đại học đa ngành, đa lĩnh vực (university) với quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cao. Xu hướng trên đã và đang được thực hiện với nhiều chính sách quốc gia mới và mô hình mới về cơ chế quản lý, tổ chức bộ máy quản lý, đầu tư tài chính và đội ngũ giảng viên... ở các trường đại học công.

Đại học Hiroshima là một trong những đại học quốc gia lớn nhất ở Nhật Bản. Đại học này được thành lập vào ngày 31/5/1949 do kết quả tổ chức lại các cơ sở giáo dục đại học có ở khu vực Hiroshima trước chiến tranh thế giới thứ II. Đại học Hiroshima đang hướng đến mục tiêu trở thành một trung tâm giáo dục và nghiên cứu của Nhật Bản tầm cỡ thế giới trong thế kỷ 21.

Cuối bài báo có nêu một số bài học kinh nghiệm của Nhật Bản cho công cuộc đổi mới giáo dục đại học Việt Nam.

## 1. Lời nói đầu

Nhật Bản - cường quốc kinh tế thế giới đã vươn lên từ đống tro tàn của cuộc chiến Thế giới thứ II với những nỗ lực phi thường và chiến lược phát triển khôn ngoan. Là một nước nghèo về tài nguyên thiên nhiên nên nhà cầm quyền Nhật Bản ngay từ thời cải cách của Minh trị (1868-1912) đã đặc biệt chú ý đến giáo dục nhằm phát triển nguồn vốn con người. Ngay từ đầu thế kỷ 20 (1900) Nhật

Bản đã phổ cập giáo dục tiểu học. Giáo dục cơ bản (elementary education) là giáo dục bắt buộc và miễn phí. Từ thập niên 70 Nhật Bản đã phổ cập giáo dục trung học bậc cao (upper secondary education) cho học sinh trong độ tuổi. Đây là nền tảng vững chắc cho công cuộc phát triển giáo dục đại học Nhật Bản được bắt đầu từ sau Thế chiến thứ II và cho đến nay (2008) đã có khoảng trên 50% học sinh tốt nghiệp trung học tiếp tục theo học ở các trường cao đẳng, đại học [1]. Giáo dục đại học Nhật Bản đã thực sự bước vào thời kỳ phát triển mới theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa và đại chúng hóa với quá trình tập

\* ĐT: 84-4-7548092

E-mail: kduc1954@yahoo.com

**đoàn hóa** được khởi động từ những năm 70 của thế kỷ 20. Tập đoàn hóa (incorporation) là quá trình sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục đại học chuyên ngành, đơn ngành cùng một khu vực thành những đại học đa ngành, đa lĩnh vực với tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao.

## 2. Vài nét về hệ thống giáo dục đại học Nhật Bản

Hệ thống giáo dục đại học hiện đại của Nhật Bản được hình thành từ cuối thế kỷ 19 với sự ra đời của Đại học Tokyo (sau này được gọi là Đại học quốc lập Tokyo) vào năm 1887. Các Đại học quốc lập khác lần lượt được thành lập như Đại học Kyoto, Tohoku, Osaca... Các đại học này là những đại học đa ngành được hình thành theo mô hình đại học châu Âu (mô hình Đức) với hệ thống quản lý hành chính tập trung mạnh ở cấp trường và quyền tự chủ (quasi-autonomous) về học chính của các đơn vị học thuật (khoa/trung tâm). Ngoài các đại học quốc lập, nhiều cơ sở giáo dục đại học của nhà nước, trường công của các địa phương (public local) và nhiều trường tư (private) cũng được tiếp tục thành lập trong thời gian sau chiến tranh (xem bảng 1).

Trước Chiến tranh thế giới thứ II, hệ thống giáo dục đại học Nhật Bản được đặc trưng bởi hệ thống quản lý hành chính - tập trung (tuy không hoàn toàn) ở các trường nhà nước đặc biệt là các Đại học quốc lập do các trường này nhận được nhiều đặc quyền ưu đãi về đội ngũ nhân sự, trang bị, đầu tư tài chính từ ngân sách nhà nước.

Bảng 1. Số lượng các cơ sở giáo dục ĐH ở Nhật Bản (1943) chia theo loại hình trường và loại hình sở hữu.

Loại hình	Đại học	Các trường chuyên ngành	Tổng số
Đại học quốc lập	7		7
Đại học công	12	58	70
Đại học công địa phương	2	24	26
Đại học tư	28	134	162
<b>Tổng số</b>	<b>49</b>	<b>216</b>	<b>275</b>

Nguồn: Jun Oba, 2005 [2].

Hệ thống giáo dục đại học mới, hiện đại của Nhật Bản được hình thành từ sau khi kết thúc Thế chiến thứ II theo mô hình Mỹ (America model) với hệ thống đào tạo 4 cấp ở bậc đại học: Cao đẳng, cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ. Đây là thời kỳ phát triển mạnh các loại hình đại học đa ngành, đa lĩnh vực ở các đại học lớn như Đại học Tokyo, Đại học Osaca... đồng thời cũng là thời kỳ phát triển mạnh về số lượng và quy mô đào tạo đại học ở các đại học, trường đại học tư. Đến năm 1949, hệ thống giáo dục đại học Nhật Bản đã có thêm 70 trường đại học quốc gia, 17 trường đại học công ở địa phương và 81 trường đại học tư cùng hàng trăm trường cao đẳng. Hệ thống các trường cao đẳng (Junior College) cũng được mở rộng theo nhiều lĩnh vực như su phạm, kỹ thuật, kinh tế... Đặc biệt là từ năm 1961 đã hình thành loại hình cao đẳng công nghệ 5 năm (College of Technology) dành cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở (lower secondary schools). Cho đến nay, Nhật Bản đã có hơn một nghìn trường đại học và cao đẳng với hơn 3 triệu sinh viên trong đó phần lớn là ở loại hình trường tư (xem bảng 2).

Bảng 2. Quy mô giáo dục đại học Nhật Bản (2004).

Loại hình	Số trường (trường tư)	Số sinh viên (ở trường tư)	Số giảng viên (ở trường tư)
Cao đẳng công nghệ	63 (3)	58.681 (2.296)	4.474 (247)
Cao đẳng	508 (451)	233.749 (214.264)	12.740 (11.082)
Đại học	709 (542)	2.809.323 (2.062.065)	158.756 (86.683)
Các trường đào tạo chuyên nghiệp	3.443 (3.228)	791.540 (761.735)	40.675 (37.902)

Nguồn: Jun Oba, 2005 [2].

Bắt đầu từ những năm 70 của thế kỷ 20 quy mô giáo dục đại học Nhật Bản đã tăng mạnh, mở đầu cho quá trình đại chúng hóa giáo dục đại học. Nếu như ở Hoa Kỳ quá trình đại chúng hóa giáo dục đại học có vai trò lớn của hệ thống các trường cao đẳng cộng đồng (Community College) thì ở Nhật Bản vai trò lớn thuộc về hệ thống các trường đại học, cao đẳng tư. Quy mô giáo dục đại học tăng lên khoảng 5 lần từ 1965 đến 2007. Tỷ lệ sinh viên trong độ tuổi vào đại học, cao đẳng tăng từ 10% (1960) lên khoảng gần 60% (2007). Số sinh viên nước ngoài học đại học ở Nhật Bản tăng mạnh từ khoảng 10.000 sinh viên (1983) lên 117.000 sinh viên (2004).

Khác với giáo dục cơ sở là giáo dục bắt buộc và miễn phí, giáo dục đại học Nhật Bản có mức học phí khá cao ở trường tư cũng như ở trường công. Ngoài số sinh viên được cấp học bổng của Chính phủ Nhật Bản hoặc các nguồn tài trợ khác để trang trải học phí, còn lại đều phải đóng học phí theo mức thu của từng trường phù hợp với khung quy định chuẩn của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (MEXT) nhưng không được vượt quá 10%. Ví dụ trong năm 2007 mức thu học phí của Đại học Hiroshima là 535.800 Yên/năm cho bậc cử nhân và thạc sĩ. Phí tuyển sinh đầu vào là 282.000 Yên. Nhật Bản không tổ chức kỳ thi quốc gia tuyển sinh đại học. Học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học sẽ phải qua hai vòng thi tuyển: Vòng 1 do Trung tâm quốc gia truyền sinh

đại học tổ chức (sơ tuyển); vòng 2 do từng đại học tổ chức theo yêu cầu của từng khoa/ngành đào tạo ở nhà trường.

### 3. Xu hướng tập đoàn hóa trong quá trình cải cách giáo dục đại học ở Nhật Bản

#### 3.1. Cải cách giáo dục đại học

Để đáp ứng nhu cầu phát triển của Nhật Bản trong những thập niên cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21, từ những năm 80 của thế kỷ 20 Nhật Bản đã tiến hành cải cách hệ thống giáo dục đại học Nhật Bản. Đây là cuộc cải cách sâu rộng nhất về giáo dục kể từ sau khi kết thúc thế chiến II. Năm 1984 Hội đồng cải cách giáo dục được thành lập và sau đó đến 1987 là Ủy ban đại học trực thuộc Thủ tướng Nhật Bản đã được thành lập. Ủy ban giáo dục đại học đã đưa ra những khuyến cáo về cải cách giáo dục đại học nhằm đáp ứng những biến đổi nhanh chóng của đời sống kinh tế - xã hội Nhật Bản hiện đại và môi trường quốc tế với các đặc điểm sau:

1) Những tiến bộ nhanh chóng về nghiên cứu khoa học và những thay đổi cơ bản về nguồn nhân lực đặc biệt là nhân lực trình độ cao.

2) Xu hướng tăng nhanh quy mô và nhu cầu giáo dục đại học và tính đa dạng của cơ cấu sinh viên.

3) Sự tăng cường nhu cầu học suốt đời và những kỳ vọng ngày càng tăng của xã hội vào giáo dục đại học.

Ủy ban cải cách giáo dục đại học đã khuyến nghị nhiều biện pháp để mở rộng và nâng cao chất lượng giáo dục đại học đặc biệt là các loại hình đào tạo sau đại học (graduate schools) như cải cách và nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục đại học; cải cách cấu trúc và nội dung, chương trình đào tạo đại học (đại cương và chuyên nghiệp)... theo hướng tăng tính tự chủ và tính chất riêng của các trường đại học; đưa ra các tiêu chuẩn thành lập trường đại học và hệ thống đào tạo theo tín chỉ ở bậc đại học...

Vào năm 1998, Ủy ban giáo dục đại học đã đưa ra bản báo cáo về "Tầm nhìn giáo dục đại học trong thế kỷ 21 và các biện pháp cải cách cho tương lai" với các nội dung cơ bản sau: [2].

1) Nâng cao chất lượng giáo dục và nghiên cứu với định hướng khuyến khích, nuôi dưỡng năng lực tìm kiếm và sáng tạo.

2) Bảo đảm tính tự chủ của các trường đại học bằng việc hình thành một hệ thống cấu trúc mềm dẻo, linh hoạt trong đào tạo và nghiên cứu.

3) Hình thành hệ thống quản lý và quản trị đại học với trách nhiệm của từng cơ sở đại học trong việc ra quyết định và tổ chức thực hiện.

4) Cá biệt hóa các trường đại học (individualise universities) và tiếp tục nâng cao chất lượng nghiên cứu và đào tạo thông qua hệ thống đánh giá nhiều bên.

Đến năm 2001 Ủy ban giáo dục đại học đã đề xuất các "Chính sách cải cách cơ cấu giáo dục đại học công lập" với mục tiêu tăng cường tính năng động và khả năng cạnh tranh quốc tế của các đại học công với các biện pháp cơ bản sau:

1) Cần kiên trì có các biện pháp kiên quyết và táo bạo trong củng cố và phát triển các đại học công.

2) Vận dụng các phương pháp quản lý doanh nghiệp (khu vực tư nhân) trong quản lý các trường đại học. Với xu hướng này các trường đại học là một thực thể quản lý độc lập có sự tham gia quản lý của các đối tác bên ngoài và quản lý nguồn nhân lực trên cơ sở thỏa thuận, hợp đồng.

3) Hình thành cơ chế cạnh tranh trong giáo dục đại học với đánh giá 3 bên.

Năm 2002 Luật giáo dục nhà trường sửa đổi đã được ban hành cho phép các nhà trường linh hoạt hơn trong việc cải tổ cơ cấu tổ chức và quản lý các khoa và đơn vị nghiệp vụ cùng với hệ thống đánh giá 3 bên được triển khai (Nhà trường - Nhà nước và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp). Theo Luật này nhà trường đại học được tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo Luật định việc cấp các văn bằng, chứng chỉ các chương trình đào tạo của nhà trường, giảm bớt việc quản lý trực tiếp của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (MEXT) trong vấn đề này.

### 3.2. Tập đoàn hóa các đại học công lập

Một trong những đặc điểm cơ bản nhất của công cuộc cải cách giáo dục đại học ở Nhật Bản trong những năm vừa qua và đang tiếp tục trong giai đoạn hiện nay là tập đoàn hóa các đại học công lập. Quá trình này được thực hiện với mục tiêu tăng cường tính độc lập, tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các đại học công lập, áp dụng mô hình quản lý kiểu doanh nghiệp (business model) trong quản trị đại học.

Theo các nhà nghiên cứu đại học Nhật Bản (Oba, 2005) tư tưởng tập đoàn hóa đại học công không phải là tư tưởng mới ở Nhật

Bản mà tư tưởng này đã hình thành từ cuối thế kỷ 19 (1899) khi xuất hiện đề xuất về "Tính độc lập của các Đại học quốc lập" (Teikokudaigaku dokuritan shiko) nhằm giảm bớt sự phụ thuộc về học thuật của các đại học đối với Hoàng gia. Đến những năm 60 cũng có những ý tưởng về tập đoàn hóa đại học. Năm 1971 Hội đồng trung ương về giáo dục đã đưa ra các đề xuất về tập đoàn hóa các đại học công nhằm tăng tính tự chủ, độc lập của các đại học và qua đó tạo điều kiện cho các đại học tự phát triển.

Đến những năm cuối thập kỷ 80, Ủy ban cải cách giáo dục cũng đã có nhiều thảo luận và đề xuất về tập đoàn hóa đại học công (nhà nước và địa phương). Việc chuyển đổi này được xem như là một phần của cuộc cải cách hành chính và quản lý nhà nước. Vào những năm 90 một số cơ quan tư vấn của Chính phủ cũng tiếp tục đề xuất các phương án tập đoàn hóa đại học song không nhận được sự nhất trí, đồng tình của Bộ Giáo dục (cũ) và các Đại học công. Qua đó có thể thấy việc tập đoàn hóa đại học ở Nhật Bản không phải là một việc dễ dàng do những níu kéo về quan niệm và quyền lợi của các đại học công được nhà nước bao cấp.

Đến năm 1999, hệ thống quản lý mới được thiết lập với tên gọi "**Cơ sở quản lý độc lập**" (IAI) theo Quyết định của Chính phủ. Theo đó một số tổ chức được đưa ra khỏi cơ chế quản lý của Nhà nước trung ương với quyền tự chủ cao để nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản trị của tổ chức. Việc chuyển đổi các đại học công thành các cơ sở quản trị độc lập được xem như là một phần của cải cách giáo dục đại học để tăng tính tự chủ của các đại học. Đến tháng 4/2001 đã có 57 tập đoàn tự chủ nhà nước được thành lập. Việc tập đoàn hóa đại học lúc này trở thành một

bộ phận của công cuộc cải cách hành chính về mô hình quản lý của các tổ chức nhà nước.

Từ 1999 các nghiên cứu về tập đoàn hóa đại học đã được tổ chức chính thức dưới sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (MEXT) và sự phối hợp của Hiệp hội các trường đại học công. Tháng 6/2001 Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (MEXT) đã ra văn bản "**Chính sách cải cách cấu trúc đại học**" trong đó nhấn mạnh các điểm sau [3]:

1) Tổ chức lại và hợp nhất các đại học công.

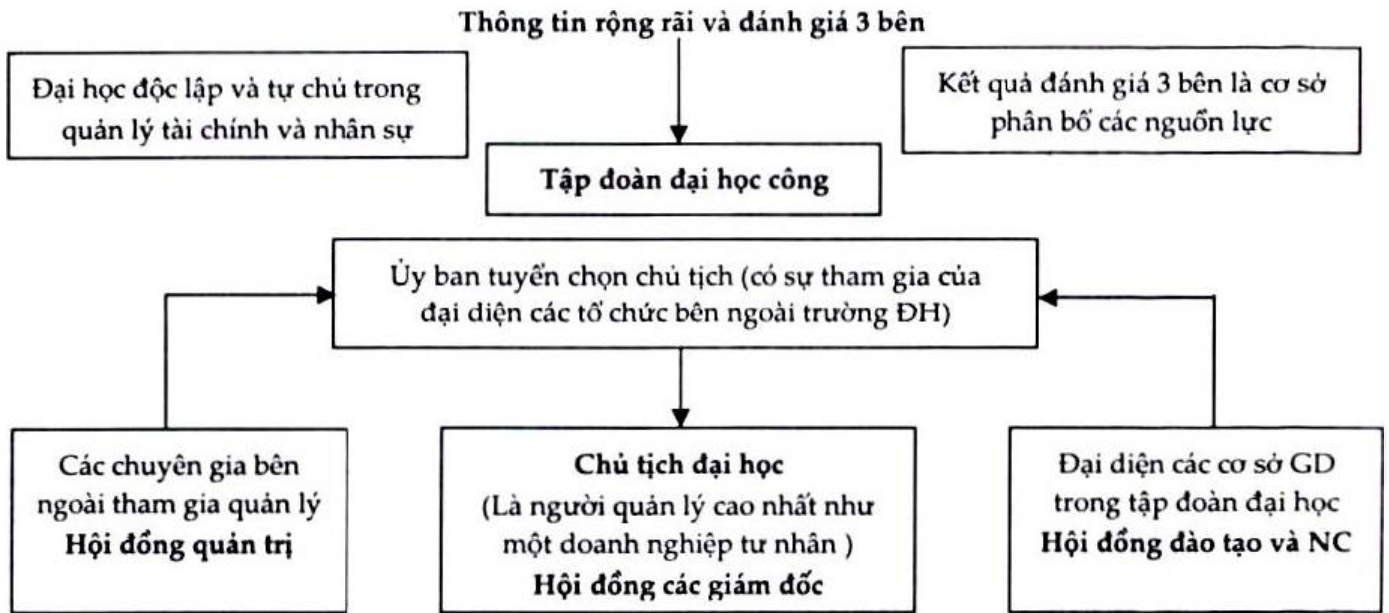
2) Tập đoàn hóa đại học công.

3) Phát triển đại học theo các tiêu chuẩn quốc tế cao với cơ chế đánh giá 3 bên.

Tháng 6/2001 Chính phủ Nhật Bản có quyết định về cải cách cơ cấu kinh tế và quản lý kinh tế vĩ mô trong đó nhấn mạnh "Các đại học công phát triển hướng tới mục tiêu cạnh tranh quốc tế... và việc tập đoàn hóa sẽ tạo điều kiện tăng tính tự chủ và khả năng áp dụng các quan điểm, kỹ thuật quản lý của khu vực tư nhân".

Tháng 6/2002 Chính phủ Nhật Bản lại ra quyết định về các "**Chính sách cơ bản về quản lý kinh tế, tài chính và cải cách hệ thống**" trong đó quyết định việc tập đoàn hóa các đại học công và bãi bỏ chính sách biên chế nhà nước về nhân sự ở các đại học. Đồng thời Chính phủ Nhật Bản nhấn mạnh việc này phải được thực hiện cơ bản từ năm học 2004 với các chỉ dẫn về việc xây dựng ngân sách giáo dục đại học phục vụ yêu cầu trên ngay từ 2003.

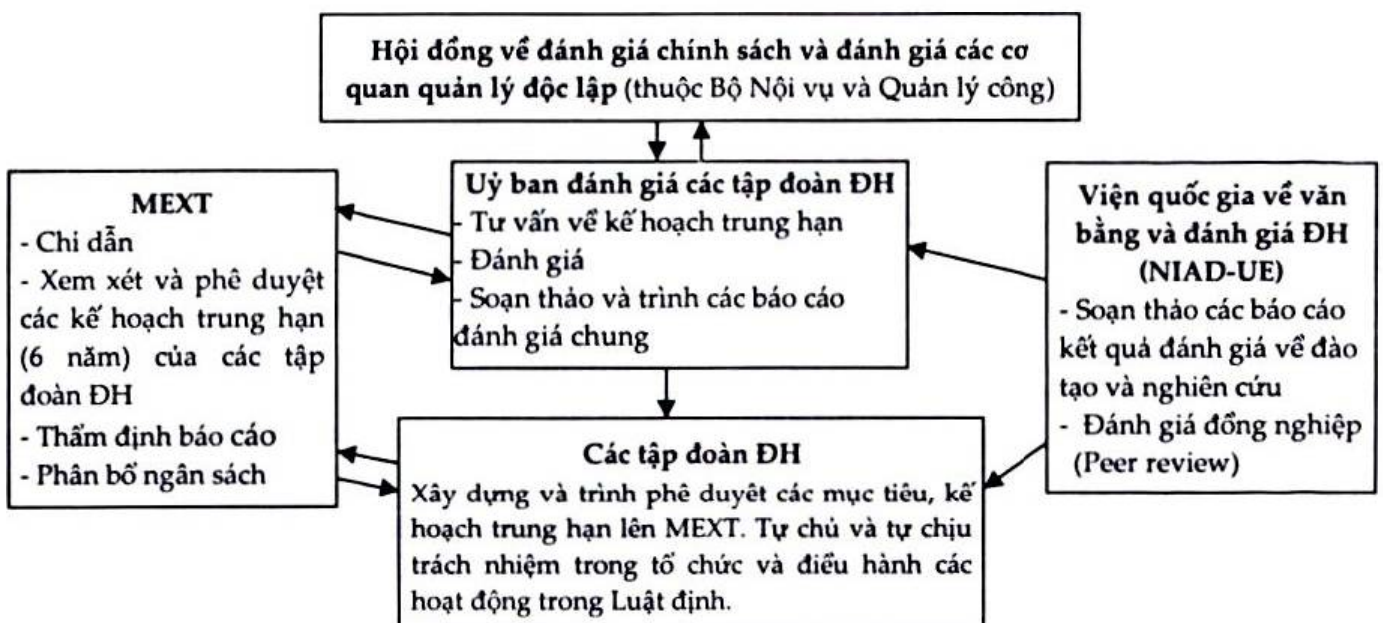
Đến tháng 7/2003 Luật về Tập đoàn hóa đại học công và 5 Luật khác có liên quan đã được chính thức thông qua. Đến ngày 1 tháng 4 năm 2004 tất cả các đại học công đã được tập đoàn hóa (xem hình 1).



Hình 1. Sơ đồ hệ thống tập đoàn đại học công.

Theo Luật này không còn chế độ công chức nhà nước đối với đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý. Tập đoàn đại học có mối liên hệ chặt chẽ với các đối tác (doanh nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp...) và áp dụng mô hình quản lý kiểu doanh nghiệp tư. Chủ tịch đại học có quyền bổ nhiệm giám đốc các đơn vị trực thuộc là người nước ngoài. Việc phân bổ ngân sách nhà nước cho các đại học được áp dụng theo phương thức trọn gói (a lump

sum) dựa trên kết quả thực hiện các kế hoạch hoạt động trung hạn (6 năm) đã được Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (MEXT) phê duyệt. Kết quả tự đánh giá của các tập đoàn đại học và đánh giá của Ủy ban đánh giá đại học (Evaluation Committee for National University Corporations) là cơ sở cho việc kiểm định và phân bổ ngân sách (xem hình 2).



Hình 2. Sơ đồ hệ thống đánh giá các tập đoàn đại học.

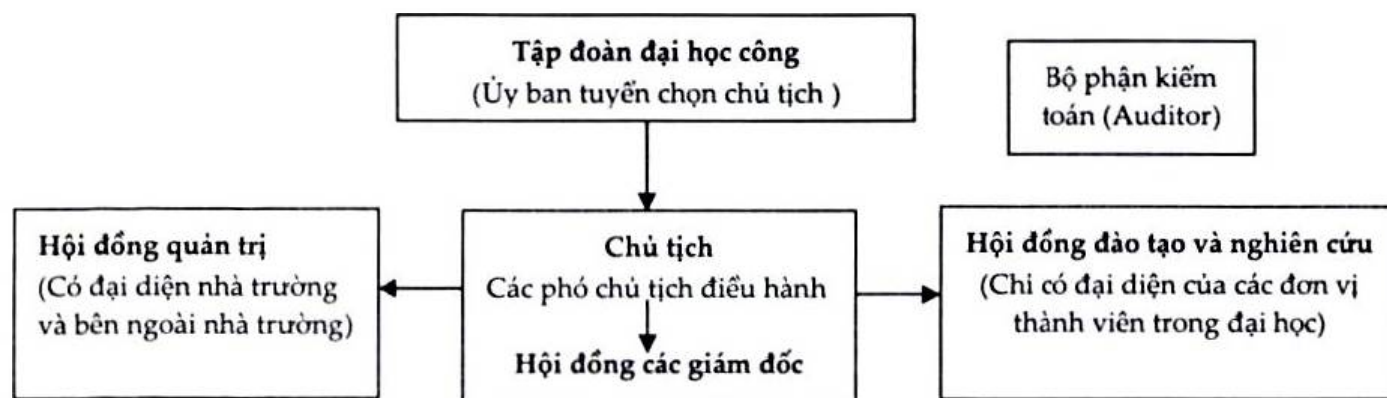
Tập đoàn hóa các đại học đưa đến thay đổi cơ bản tổ chức, bộ máy quản lý của các đại học công. Theo tổ chức tập đoàn cơ cấu tổ chức quản lý ở mỗi đại học Nhật Bản tập trung quyền lực vào chủ tịch đại học và có 3 cơ quan chủ yếu (xem hình 3).

1) *Hội đồng các giám đốc*: cơ quan có thẩm quyền thảo luận các vấn đề quan trọng trước

khi chủ tịch đại học ra quyết định.

2) *Hội đồng Quản trị*: Thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng về quản trị nhà trường.

3) *Hội đồng đào tạo và nghiên cứu*: Thảo luận, tư vấn và quyết định những vấn đề quan trọng về đào tạo và nghiên cứu nhà trường.



Hình 3. Mô hình tổ chức quản lý tập đoàn đại học [3].

Chế độ tuyển dụng nhân sự, đãi ngộ và sử dụng được thay đổi cơ bản từ theo chế độ công chức nhà nước sang theo chế độ tuyển dụng lao động và chính sách lương bổng, đãi ngộ riêng của các tập đoàn đại học.

Hội đồng quản trị có sự tham gia rộng rãi của các cá nhân, tổ chức bên ngoài nhà trường như có đại diện Hội đồng giáo dục địa phương, chuyên gia nước ngoài; đại diện các doanh nghiệp; các tổ chức xã hội - nghề nghiệp...

Quá trình tập đoàn hóa các Đại học công (Trung ương và địa phương) ở Nhật Bản đã cơ bản hoàn thành vào năm 2004 song cùng còn không ít vấn đề phải tiếp tục hoàn thiện. Việc áp dụng mô hình quản lý kiểu doanh nghiệp đòi hỏi sự thay đổi mạnh nếp nghĩ và phong cách làm việc của các nhà quản lý đại học công theo cơ chế mới vốn nhiều năm quen với cơ chế quản lý hành chính bao cấp của nhà nước. Ngân sách tài chính không ổn định mà tùy thuộc vào kết quả đánh giá 3 bên

trong khi các chuẩn mực, phương pháp, quy trình đánh giá chưa hoàn thiện. Chế độ công chức bị bãi bỏ kéo theo những lo lắng về vị trí, việc làm không ổn định như trước của đội ngũ giảng viên. Đặc biệt có nhiều băn khoăn về quá trình này dường như là quá trình tư nhân hóa đại học công, xóa bỏ loại hình đại học công trong hệ thống giáo dục đại học Nhật Bản.

#### 4. Đại học Hiroshima trong quá trình tập đoàn hóa

##### 4.1. Thông tin chung

Đại học Hiroshima là một trong những đại học công lớn ở Nhật Bản được thành lập từ 1949 trên cơ sở tổ chức lại các cơ sở giáo dục đại học ở khu vực hành chính - lãnh thổ Hiroshima.

Trong giai đoạn đầu Đại học Hiroshima bao gồm Đại học Hiroshima về Văn chương và Khoa học (thành lập từ 1929); Trường Sư phạm cao cấp Hiroshima (thành lập từ 1902); Trường Sư phạm Hiroshima (thành lập từ 1943); Trường Kỹ thuật cao cấp Hiroshima (thành lập từ 1920). Trường Cao đẳng Y tế Hiroshima (thành lập 1945)... và một số trường khác trong khu vực Hiroshima. Có thể nói ngay từ đầu thành lập, Đại học Hiroshima đã bước đầu trên con đường tập đoàn hóa với mô hình tổ chức của một đại học đa ngành, đa lĩnh vực ở khu vực. Hiện nay (2007) Đại học Hiroshima có 11 Khoa chuyên ngành, 12 Trường cao học (graduate schools); 20 Viện và Trung tâm nghiên cứu; 4 Thư viện, các trường phổ thông thực hành và nhiều cơ sở khác. Ngân sách nhà trường là 67.806.000.000 Yên (2007) tương đương khoảng 50 triệu USD.

Từ 1973 đến 1995 Đại học Hiroshima đã hoàn thành việc tổ chức lại và chuyển phần lớn các Khoa/Trung tâm/Viện nghiên cứu thành viên về khu vực mới được đầu tư xây dựng hiện đại, đầy đủ cơ sở vật chất, tiện nghi cho đào tạo đại học và nghiên cứu khoa học ở Higashi-Hiroshima (trừ Khoa Y và Dược ở khu vực cũ ở thành phố Hiroshima). Hiện nay (2007) Đại học Hiroshima có quy mô đào tạo khoảng 15.000 sinh viên trong đó khoảng 1/3 (4.445) là học viên sau đại học (cao học và tiến sĩ). Số lượng cán bộ, giảng viên là 3.281 người. Có 755 sinh viên quốc tế từ 57 nước ngoài theo học.

Ngay từ khi mới thành lập (1949) Đại học Hiroshima đã đưa ra 5 nguyên tắc chỉ đạo cơ bản (Mision) là [4]:

- 1) Theo đuổi Hòa bình.
- 2) Sáng tạo kiến thức mới.
- 3) Nuôi dưỡng con người.
- 4) Hợp tác với địa phương, khu vực và cộng đồng quốc tế.
- 5) Tiếp tục tự phát triển.

Năm nguyên tắc trên thể hiện triết lý phát triển để thực hiện sứ mệnh của Đại học Hiroshima trong công cuộc chấn hưng nước Nhật sau chiến tranh và phát triển hiện đại hóa. Trên cơ sở đó, Đại học Hiroshima đã đề ra các mục tiêu phát triển cơ bản sau [5]:

1) Trở thành một cơ sở đại học ở trình độ cao về đào tạo và nghiên cứu trong nước và quốc tế.

2) Tạo dựng môi trường học tập, nghiên cứu đạt đẳng cấp quốc tế. Nuôi dưỡng tinh thần sáng tạo khoa học cho thế hệ trẻ.

3) Gắn nghiên cứu với giảng dạy. Đào tạo độ ngũ chuyên gia sau đại học có trình độ cao theo chuẩn quốc tế.

4) Đào tạo đội ngũ cử nhân có trình độ và năng lực thực tiễn cao đáp ứng yêu cầu nhân lực của xã hội.

5) Liên kết chặt chẽ với cộng đồng, đóng góp tích cực vào sự phát triển đa dạng của xã hội.

6) Tăng cường năng lực cạnh tranh quốc tế, xã hội toàn cầu. Tích cực tham gia và mở rộng hợp tác, trao đổi quốc tế.

7) Hình thành cơ chế quản lý đại học và các đơn vị thành viên tập trung vào "Con người, phương tiện và tài chính".

8) Hình thành một hệ thống hợp lý trong đánh giá khả năng và kết quả, tạo môi trường thuận lợi phát huy mọi khả năng của đội ngũ cán bộ và sinh viên.

9) Phát triển hệ thống thông tin và truyền thông phục vụ có hiệu quả hoạt động quản lý, giảng dạy và nghiên cứu, thông tin xã hội và marketing.

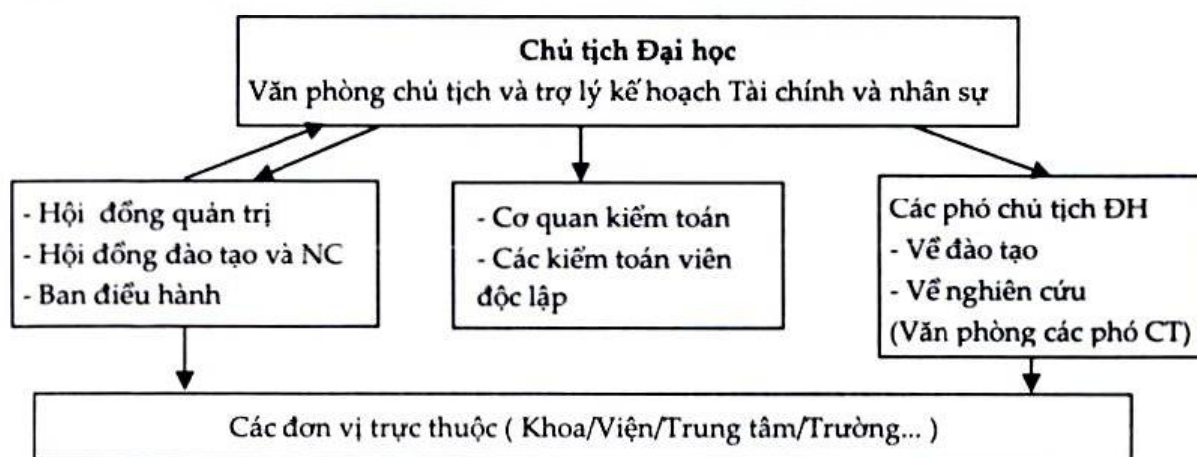
#### 4.2. Mô hình quản lý

Theo mô hình tập đoàn đại học, hệ thống quản lý của Đại học Hiroshima được thiết lập theo hướng tập trung quyền lực quản lý vào Chủ tịch đại học trên cơ sở tham vấn của Hội đồng Quản trị, Hội đồng Giám đốc và Hội



đồng đào tạo - nghiên cứu. Các đơn vị thành viên có quyền độc lập và tự chủ cao trong các

hoạt động nghiên cứu và giảng dạy (xem hình 4).

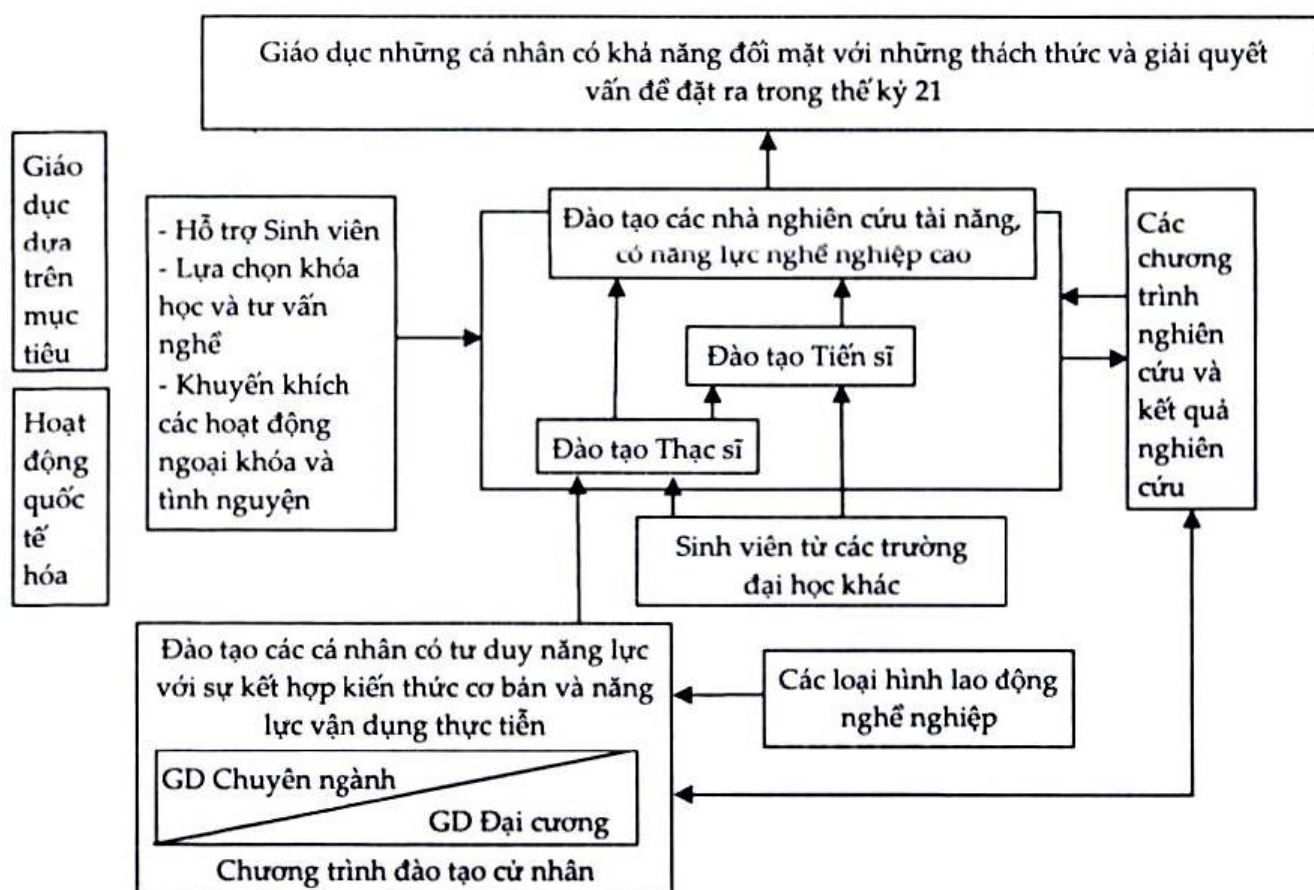


Hình 4. Mô hình tổ chức và quản lý Đại học Hiroshima (2007) [5].

### 4.3. Mô hình đào tạo

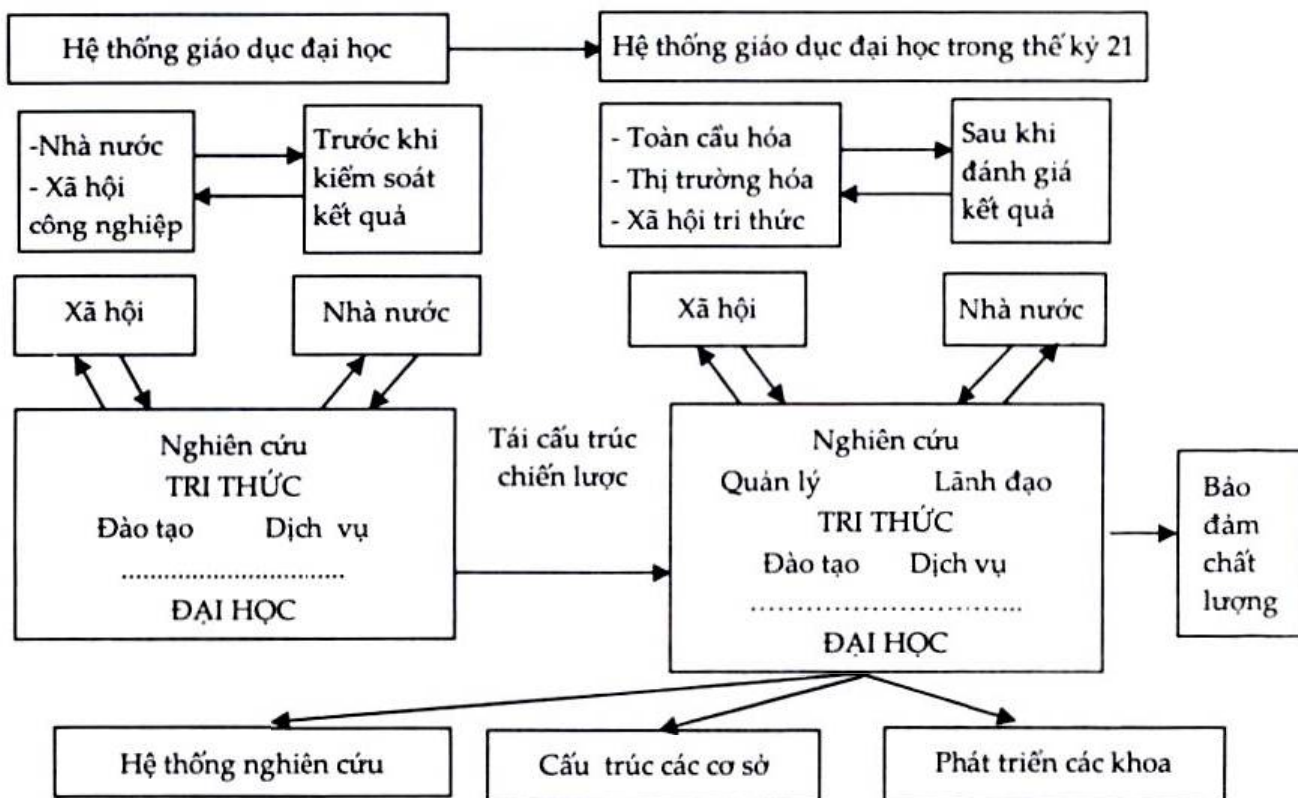
Với định hướng phát triển trở thành một đại học nghiên cứu đẳng cấp quốc tế, có khả năng cạnh tranh cao, Đại học Hiroshima đã xác

định và kiên trì theo đuổi mô hình đào tạo hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu mới và thường xuyên thay đổi của xã hội Nhật Bản hiện đại và xu hướng toàn cầu hóa trong thế kỷ 21 (xem hình 5).



Hình 5. Mô hình giáo dục cho thế kỷ 21 - Đại học Hiroshima [4].

4.4. Mô hình bảo đảm chất lượng giáo dục đại học Nhật Bản trong thế kỷ 21 (Xem hình 6)



Hình 6. Mô hình bảo đảm chất lượng giáo dục đại học Nhật Bản trong thế kỷ 21.

5. Những kinh nghiệm của Nhật Bản trong cải cách giáo dục đại học

Qua hơn nửa thế kỷ tái cấu trúc hệ thống giáo dục đại học (1945) và đặc biệt là các chính sách và biện pháp cải cách giáo dục đại học từ 1984 cho đến nay, hệ thống giáo dục đại học Nhật Bản đã có những thay đổi cơ bản cả về cấu trúc hệ thống, loại hình, quy mô và trình độ đào tạo. Nhật Bản đã có một hệ thống giáo dục đại học ngang tầm quốc tế với khả năng cạnh tranh quốc tế ngày càng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội hiện đại Nhật Bản trong thế kỷ 21. Những kinh nghiệm của Nhật Bản rất có giá trị và ý nghĩa đối với Việt Nam trên các bình diện sau đây:

1) Cải cách giáo dục đại học là một công việc khó khăn, lâu dài cần có tầm nhìn xa, sáng suốt trong hoạch định chính sách phù hợp với xu hướng phát triển chung và kiên trì, kiên quyết trong tổ chức thực hiện.

2) Chính phủ và các Bộ ngành hữu quan có vai trò quyết định trong tiến trình cải cách trên cơ sở các khuyến nghị của các tổ chức tư vấn (như Ủy ban giáo dục đại học trực thuộc Thủ tướng).

3) Việc đổi mới mô hình quản lý đại học không phải chỉ riêng của ngành giáo dục mà cần đặt trong quá trình cải cách quản lý hành chính quốc gia (có liên quan đến Chính phủ, Bộ nội vụ và quản lý công).

4) Sớm hình thành các đại học đa ngành, đa lĩnh vực ở các khu vực trên cơ sở quy hoạch và đầu tư khu đại học để tạo môi trường thuận lợi (đất đai, cơ sở vật chất) cho phát triển giáo dục đại học ngang tầm quốc tế.

5) Tập đoàn hóa giáo dục đại học, phát triển các đại học đa ngành, đa lĩnh vực là một xu hướng tất yếu (không chỉ đơn thuần là ghép các trường/cơ sở đại học với nhau) mà cần tổ chức, sắp xếp lại để tập trung đầu tư, tạo môi liên kết trên cơ sở tăng tính tự chủ, tự

chịu trách nhiệm của các đại học.

6) Từng bước bãi bỏ cơ chế bao cấp nhà nước cho đại học công. Áp dụng mô hình và phương pháp quản lý doanh nghiệp phù hợp với đặc điểm của đại học (doanh nghiệp tri thức) nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng đào tạo, nghiên cứu và hiệu quả đầu tư.

7) Nâng cao vai trò của các tổ chức chuyên môn, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức đánh giá độc lập trong đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục đại học thông qua đánh giá 3 bên.

8) Tăng cường liên kết với đại học quốc tế (mời giáo sư sang nghiên cứu và giảng dạy, quốc tế hóa chương trình đào tạo, liên kết đào tạo...[6]

### Tài liệu tham khảo

- [1] Ishizaka Kazuo, *School in Education in Japan*, International Society for Educational Information, Inc-Japan, 2001.
- [2] Jun Oba, *Higher Education in Japan - Incorporation of National Universities and the Development of Private Universities*, Paper prepared for seminars on higher education in Istanbul and Ankara, Turkey, February 2005.
- [3] Sho Takakura and Yokuo Murata, *Education in Japan*, The Tsukuba Association for International Education Studies, Japan, 1997.
- [4] Pictorial Guide, *International Affairs Bureau*, Hiroshima University, Japan, 2007.
- [5] *Hiroshima University Graduate School*, Hiroshima University, Japan, 2007.
- [6] MEXT, *A New Image of National University Corporations*, Japan, 2002, [www.mext.go.jp](http://www.mext.go.jp).

## The reform of the Japanese higher education and Hiroshima University on the process of the corporation

Trần Khánh Đức

*Faculty of Education, Vietnam National University, Hanoi  
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

This article is introduced some characteristics of the Japanese higher education system in the process of the educational reform from the Meiji era (1868-1912) up to nowadays. It is focused on the period of the reconstruction of the Japanese higher education after world war II based on the America model.

Incorporation is one of the developmental trends of the Japanese higher education system in the educational reform. In this trend, mono-disciplinary higher education institutions have been merged and re-organized in order to become multi-disciplinary higher education institutions (university) with higher level of the autonomy and accountability. This trend has been implementing with new national policies and new model on managerial mechanism; administrative organization, financial investment and teaching staff... in the public universities.

Hiroshima University is one of the biggest national universities in Japan. This university was established as a national university on 31/5/1949, as a result of the reorganization of the pre-world war II higher education institutions in Hiroshima prefecture. Hiroshima University is aiming to be a world education and research center in the 21st century.

In the end of this article there are some Japanese experimental lessons for higher education innovation in Vietnam.